



TỪ CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA ĐẾN TẦM NHÌN TOÀN CẦU: Việt Nam kiến tạo tương lai đại dương với Hiệp định BBNJ

TS. LƯU ANH ĐỨC

Cục Biển và Hải đảo Việt Nam

TS. NGUYỄN GIA THỌ

Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường

Hiệp định về Bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học biển tại các vùng nằm ngoài quyền tài phán quốc gia (BBNJ) không chỉ là một văn kiện pháp lý bổ sung cho Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS 1982), mà còn là một "đòn bẩy chiến lược" để Việt Nam định vị lại vai trò của mình trong kỷ nguyên đại dương. Bài viết phân tích sự tương thích chiến lược giữa BBNJ và "bộ ba" Nghị quyết then chốt: Số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, số 57-NQ/TW về Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, số 59-NQ/TW về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới, chứng minh rằng việc phê chuẩn sớm Hiệp định (tháng 6/2025) là bước đi tiên quyết để Việt Nam chuyển dịch từ mô hình kinh tế khai thác tài nguyên sang kinh tế dựa trên tri thức và công nghệ xanh. Từ đó, bài viết đề xuất lộ trình hành động nhằm chuyển hóa các thách thức pháp lý và kỹ thuật thành động lực phát triển quốc gia, phù hợp với xu thế quản trị đại dương hiện đại.

1. TỪ KHỦNG HOẢNG BA CHIỀU ĐẾN CƠ HỘI KIẾN TẠO

Đại dương, chiếm hơn 70% bề mặt Trái đất, đang đối mặt với những thách thức toàn cầu nghiêm trọng, bao gồm biến đổi khí hậu, suy giảm đa dạng sinh học biển và ô nhiễm môi trường, tạo nên một cuộc khủng hoảng ba chiều đe dọa sự sống và kinh tế toàn cầu. Những mối đe dọa này không chỉ làm suy yếu khả năng phục hồi của hệ sinh thái đại dương mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh lương thực và kinh tế của hàng tỷ người phụ thuộc vào nguồn lợi biển. Đặc biệt, các vùng biển nằm ngoài quyền tài phán quốc gia (ABNJ), bao gồm biển cả và vùng đáy biển quốc tế, chiếm gần hai phần ba diện tích đại dương và là nơi cư trú của 95% sinh khối sinh vật Trái đất, đang trở thành điểm nóng của các hoạt động khai thác tài nguyên và công nghệ gen chưa được kiểm soát chặt chẽ.

Trong bối cảnh đó, khung khổ pháp lý của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS), dù

được coi là "Hiến pháp của đại dương", đã bộc lộ những khoảng trống nhất định đối với các vùng biển quốc tế khi chưa có quy định chi tiết về bảo tồn đa dạng sinh học tại các vùng biển này, đặc biệt trong bối cảnh công nghệ gen và khai thác biển sâu phát triển mạnh mẽ. Sự ra đời của Hiệp định BBNJ vào tháng 6/2023, sau gần hai thập kỷ đàm phán, được cộng đồng quốc tế ghi nhận là "chiến thắng của chủ nghĩa đa phương". Hiệp định là văn kiện thực thi thứ ba của UNCLOS 1982, thiết lập trật tự quản trị dựa trên luật lệ đối với nguồn tài nguyên chung của nhân loại, đồng thời hỗ trợ trực tiếp cho Mục tiêu Phát triển Bền vững số 14 (SDG 14).

Việt Nam nằm trong nhóm các quốc gia đầu tiên ký kết Hiệp định và hoàn tất thủ tục phê duyệt vào tháng 6/2025 (trước khi Hiệp định có hiệu lực toàn cầu dự kiến vào tháng 1/2026) là một bước đi chiến lược. Hành động này không chỉ khẳng định cam kết mạnh mẽ của Việt Nam đối với luật pháp quốc tế mà còn định vị quốc gia ở vai trò tiên phong, sẵn sàng tham gia định hình các quy tắc quản trị đại dương mới, chuyển từ thế "tham dự" sang thế "kiến tạo" trong khu vực và trên trường quốc tế.

2. BBNJ VÀ CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA: SỰ TƯƠNG THÍCH CỦA "BỘ BA" TRỤ CỘT

Hiệp định BBNJ được xây dựng dựa trên tinh thần kế thừa UNCLOS và bổ sung các quy định chi tiết về bốn trụ cột pháp lý: Nguồn gen biển và Chia sẻ lợi ích (MGRs/ABS), Công cụ quản lý theo khu vực (ABMTs) bao gồm Khu Bảo tồn biển (MPAs), Đánh giá tác động môi trường (EIA) và Xây dựng năng lực và chuyển giao công nghệ biển (CBTMT). Những trụ cột này không chỉ giải quyết các thách thức toàn cầu về suy giảm đa dạng sinh học biển mà còn tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững, đặc biệt đối với các quốc gia ven biển như Việt Nam, có sự tương thích chiến lược với các chủ trương, chính sách then chốt của Đảng và Nhà nước.

Nguồn gen biển và đột phá phát triển khoa học, công nghệ

Trụ cột về nguồn gen biển (MGRs) là một trong những yếu tố cốt lõi của Hiệp định BBNJ, nhằm đảm



Hiệp định BBNJ quy định bốn vấn đề quan trọng trong đảm bảo đa dạng sinh học

bảo việc tiếp cận, sử dụng và chia sẻ lợi ích công bằng, hợp lý từ các nguồn gen biển tại ABNJ, bao gồm cả thông tin trình tự kỹ thuật số (DSI). Đây là chìa khóa để giải quyết bài toán bất bình đẳng trong tiếp cận "vàng xanh" của đại dương, về năng lực công nghệ giữa các quốc gia.

Điều này tạo ra sự cộng hưởng trực tiếp với Nghị quyết số 57-NQ/TW khi xác định khoa học công nghệ là "đột phá quan trọng hàng đầu", với mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong các lĩnh vực công nghệ lõi như công nghệ sinh học và dữ liệu lớn (Big Data). Thông qua cơ chế chia sẻ lợi ích phi tiền tệ của BBNJ, Việt Nam có cơ hội tiếp cận kho dữ liệu gen khổng lồ và các quy trình công nghệ tiên tiến mà không phải chịu rào cản thương mại đắt đỏ, từ đó rút ngắn khoảng cách phát triển và thúc đẩy ngành công nghệ sinh học biển nội địa. Sử dụng dữ liệu DSI từ cơ chế chia sẻ của Hiệp định để phục vụ các phòng thí nghiệm trong nước, thúc đẩy ngành dược liệu biển và công nghiệp thực phẩm chức năng – những lĩnh vực Việt Nam có tiềm năng nhưng thiếu nguyên liệu đầu vào chất lượng cao.

Công cụ quản lý theo khu vực và chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển

Trụ cột công cụ quản lý theo khu vực (ABMTs) cho phép thiết lập các Khu bảo tồn biển (MPAs) tại vùng biển quốc tế. Đây là công cụ pháp lý quốc tế hỗ trợ đặc lực cho Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển. Nghị quyết nhấn mạnh việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản di cư, phục hồi hệ sinh thái biển quan trọng (như rạn san hô, thảm cỏ biển và rừng ngập mặn), tăng diện tích khu bảo tồn biển lên ít nhất

6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia. Việc tham gia thiết lập các mạng lưới MPAs quốc tế sẽ tạo ra các "vùng đệm" sinh thái, bảo vệ nguồn lợi thủy sản di cư và các hệ sinh thái trọng yếu như rạn san hô, trực tiếp đảm bảo tính bền vững cho nghề cá xa bờ của Việt Nam.

Đồng thời, việc tuân thủ các chuẩn mực bảo tồn cao của BBNJ là minh chứng rõ ràng nhất cho nỗ lực gỡ bỏ "thẻ vàng" IUU, nâng cao uy tín của thủy sản Việt Nam. Hơn nữa, các quy định ABMTs thúc đẩy Quy hoạch không gian biển quốc gia gắn kết với không gian biển quốc tế, như xây dựng Quy hoạch không gian biển quốc gia và các vùng kinh tế ven biển, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo tồn môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Hội nhập quốc tế toàn diện và chủ động

Nghị quyết số 59-NQ/TW xác định hội nhập quốc tế là "động lực chiến lược để Việt Nam vững bước vào kỷ nguyên mới", chuyển từ phương châm "tham gia" sang "chủ động định hình luật chơi". Hiệp định BBNJ là cơ hội để hiện thực hóa Nghị quyết số 59-NQ/TW, đặc biệt trong các trụ cột về Xây dựng năng lực và chuyển giao công nghệ biển (CBTMT). Việt Nam không chỉ là bên nhận hỗ trợ mà có thể trở thành "cầu nối" trong ASEAN, thúc đẩy các mô hình hợp tác Nam - Nam, đảm bảo tiếng nói của các nước đang phát triển và các nước chịu ảnh hưởng lớn bởi biến đổi khí hậu được tôn trọng trong quá trình thực thi Hiệp định.

3. CƠ HỘI CỦA VIỆT NAM KHI PHÊ CHUẨN HIỆP ĐỊNH BBNJ

Hiệp định BBNJ không chỉ là một văn kiện pháp lý quốc tế mà còn là "đòn bẩy chiến lược" để Việt Nam



nâng cao năng lực nội sinh và vị thế quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh đất nước đang hướng tới mục tiêu trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045.

Đòn bẩy về khoa học và công nghệ biển

Khoảng cách công nghệ là thách thức lớn nhất. Tuy nhiên, cơ chế chuyển giao công nghệ của BBNJ là cơ hội để Việt Nam "đi tắt đón đầu". Trụ cột xây dựng năng lực và chuyển giao công nghệ biển (CBTMT) là yếu tố chiến lược để hỗ trợ các nước đang phát triển như Việt Nam khắc phục sự bất bình đẳng về năng lực khoa học toàn cầu, đảm bảo sự tham gia công bằng vào quản trị đại dương. Với tư cách là quốc gia đang phát triển, Việt Nam được ưu tiên hỗ trợ trong khuôn khổ CBTMT, tiếp cận các công nghệ biển tiên tiến trong lĩnh vực quản lý nguồn gen biển (MGR), với định nghĩa công nghệ biển bao gồm dữ liệu, phần mềm, phần cứng và bí quyết kỹ thuật, kể cả công nghệ sinh học.

Việc ưu tiên khai thác các lợi ích phi tiền tệ (NMBs), bao gồm chia sẻ thông tin và dữ liệu khoa học (bao gồm DSI), tham gia vào các chương trình nghiên cứu và phát triển chung, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học biển (MSR), đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới. Điều này giúp đưa các chuẩn mực, quy định về khoa học, công nghệ trong nước tiệm cận với thông lệ quốc tế tiên tiến như Nghị quyết số 57-NQ/TW đã đề ra, đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ pháp lý, khoa học kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quốc tế và công cuộc đổi mới.

Quản lý tài nguyên và phát triển bền vững kinh tế biển

Hiệp định BBNJ cung cấp khung pháp lý vững chắc để thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển, tập trung vào phục hồi đa dạng sinh học và tăng trữ lượng tài nguyên sinh vật, từ đó mang lại lợi ích kinh tế lâu dài và hiện thực hóa mô hình kinh tế biển xanh.

Các quy định về Đánh giá tác động môi trường (EIA) bắt buộc đối với các hoạt động tại ABNJ sẽ giúp kiểm soát các tác động tiêu cực từ bên ngoài đến vùng biển Việt Nam. Đồng thời, việc áp dụng các tiêu chuẩn môi trường cao của BBNJ vào quản lý đội tàu xa bờ sẽ giúp Việt Nam ngăn chặn các phương thức khai thác hủy diệt, hướng tới nghề cá có trách nhiệm.

Bên cạnh việc bảo vệ nguồn lợi thì việc thực thi Hiệp định cũng tạo ra tác động tốt với kinh tế biển, đặc biệt là dược liệu biển. Quyền tiếp cận công bằng nguồn gen biển mở ra dư địa lớn cho ngành công nghiệp dược phẩm và thực phẩm chức năng, tạo ra các sản phẩm giá trị gia tăng cao từ tài nguyên sinh vật biển.

Vị thế ngoại giao kiến tạo

Việc phê chuẩn sớm Hiệp định (tháng 6/2025) mang lại cho Việt Nam lợi thế trong định hình thể chế và vai trò đầu mối. Việt Nam có quyền tham gia đầy đủ và có tiếng nói quyết định trong việc xây dựng quy

chế hoạt động cho Hội nghị các Bên (COP) và Ủy ban Khoa học Kỹ thuật (STB) ngay từ phiên họp đầu tiên. Là một trong 75 quốc gia phê chuẩn đầu tiên, Việt Nam có tiếng nói quan trọng trong việc xây dựng cơ chế tài chính và giám sát tuân thủ, góp phần đảm bảo lợi ích cho các nước đang phát triển - chiếm đa số trong 145 quốc gia ký kết. Bên cạnh đó, Việt Nam có thể phát huy vai trò trung tâm trong ASEAN để thúc đẩy lập trường chung, đảm bảo cơ chế tài chính (Quỹ đặc biệt) được vận hành minh bạch và hiệu quả, phục vụ lợi ích thiết thực của các nước đang phát triển.

4. MỘT SỐ THÁCH THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

Bên cạnh những cơ hội lớn mà Hiệp định BBNJ mang lại, việc thực thi Hiệp định tại Việt Nam đặt ra không ít thách thức, đòi hỏi sự điều chỉnh đồng bộ về thể chế, chính sách và nguồn lực. Là một quốc gia đang phát triển với hệ thống pháp luật biển chủ yếu tập trung vào các vùng thuộc quyền tài phán quốc gia, Việt Nam phải đối mặt với khoảng trống pháp lý, hạn chế về năng lực kỹ thuật, nguồn lực tài chính hạn hẹp. Những thách thức này không chỉ ảnh hưởng đến khả năng tuân thủ nghĩa vụ quốc tế mà còn có thể làm chậm tiến trình phát triển kinh tế biển bền vững.

Khoảng trống pháp lý và thách thức về nội luật hóa

Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay có những khoảng trống đáng kể trong việc điều chỉnh các hoạt động liên quan đến bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học biển tại các vùng nằm ngoài quyền tài phán quốc gia (ABNJ), dẫn đến thách thức lớn trong nội luật hóa Hiệp định BBNJ. Các văn bản pháp luật cốt lõi như Luật Biển Việt Nam năm 2012, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015, Luật Đa dạng sinh học năm 2018 (Văn bản hợp nhất số 32/VBHN-VPQH 2018), Luật BVMT năm 2020 và Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 (Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025) chủ yếu tập trung vào các vùng biển thuộc quyền tài phán quốc gia, thiếu quy định cụ thể về bảo tồn, nguồn gen biển (MGRs), thông tin trình tự kỹ thuật số (DSI), cũng như hoạt động của các pháp nhân Việt Nam tại ABNJ (biển cả và vùng đáy biển quốc tế).

Nội luật hóa phức tạp đòi hỏi rà soát toàn diện, điều chỉnh các luật hiện hành hoặc ban hành văn bản mới để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, theo nguyên tắc "không làm suy yếu" các khuôn khổ hiện có. Áp lực thời gian là thách thức lớn, Việt Nam cần hoàn thiện các văn bản pháp luật để nội luật hóa các quy định tại BBNJ trước ngày Hiệp định có hiệu lực.

Hạn chế về nguồn lực và công nghệ

Mặc dù Việt Nam có chính sách ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, nhưng ngân sách đầu tư cho



nghiên cứu biển sâu và công nghệ sinh học vẫn còn hạn chế, tạo rào cản lớn trong thực thi BBNJ. Khoảng cách công nghệ so với các nước phát triển là thách thức lớn trong việc thực hiện độc lập các báo cáo EIA phức tạp hoặc khai thác dữ liệu gen số hóa (DSI), đòi hỏi thiết bị tiên tiến như tàu nghiên cứu sâu và phần mềm phân tích gen mà Việt Nam hiện thiếu. Dù trụ cột CBTMT của BBNJ là lợi ích lớn, cung cấp hỗ trợ cho nước đang phát triển như Việt Nam thông qua đào tạo, chia sẻ dữ liệu, Quỹ Đặc biệt và công nghệ CBTMT nhưng việc xác định rõ khoảng trống năng lực khoa học kỹ thuật là cần thiết để tận dụng tối đa cơ chế này, ví dụ nghiên cứu MGRs hoặc thực hiện EIA/SEA. Bên cạnh đó, chi phí ban đầu cho việc thiết lập, quản lý và giám sát các MPA có thể rất lớn.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hiệp định BBNJ không chỉ là đích đến của một quá trình đàm phán, mà là khởi điểm cho một kỷ nguyên quản trị đại dương mới. Việc phê chuẩn sớm Hiệp định BBNJ, Việt Nam chứng minh cam kết chiến lược trong BVMT đại dương và hội nhập quốc tế, đồng thời là động lực quan trọng để thúc đẩy hội nhập "đồng bộ, toàn diện, sâu rộng". Sự tham gia sớm này là cơ hội để hiện thực hóa Chiến lược biển quốc gia thông qua việc tiếp cận công nghệ, nâng cao năng lực khoa học và củng cố vị thế ngoại giao. Hiệp định BBNJ tạo ra khung pháp lý rõ ràng để Việt Nam tiếp cận công nghệ, nâng cao năng lực khoa học và củng cố quản trị biển bền vững, từ đó kiến tạo tương lai đại dương của mình.

Việc tích hợp BBNJ vào chiến lược phát triển quốc gia tạo nên thế "kiềng ba chân" vững chắc: Kinh tế biển bền vững (Nghị quyết số 36-NQ/TW) - Công nghệ đột phá (Nghị quyết số 57-NQ/TW) - Hội nhập chủ động (Nghị quyết số 59-NQ/TW). Đây chính là con đường chiến lược để Việt Nam vươn mình trở thành một quốc gia biển mạnh, phát triển dựa trên tri thức và trách nhiệm toàn cầu.

Để hiện thực hóa tầm nhìn kiến tạo tương lai đại dương, Việt Nam cần triển khai các giải pháp cấp bách trước thời điểm Hiệp định có hiệu lực, tập trung vào nội luật hóa, tham gia thể chế, hợp tác khu vực và tối ưu hóa nguồn lực.

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống pháp luật

Khẩn trương rà soát và nội luật hóa các quy định của Hiệp định BBNJ để thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, đặc biệt về nguồn gen biển (MGRs), thông tin trình tự kỹ thuật số (DSI), công cụ quản lý theo khu vực (ABMTs) và đánh giá tác động môi trường (EIA). Hoàn thành việc nội luật hóa các quy định trước ngày Hiệp định có hiệu lực. Xây dựng một văn bản pháp luật mới hoặc điều chỉnh sâu rộng các luật hiện hành (Luật Biển Việt Nam, Luật Tài nguyên, môi trường biển

và hải đảo, Luật BVMT, Luật Đa dạng sinh học, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo...) để điều chỉnh rõ ràng các hoạt động của tổ chức và cá nhân Việt Nam tại ABNJ, cụ thể hóa việc áp dụng nguyên tắc phòng ngừa và nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền vào các hoạt động liên quan đến ABNJ...

Thứ hai, tăng cường tham gia thể chế

Tận dụng vị thế quốc gia phê duyệt sớm để cử chuyên gia tham gia tích cực vào các cuộc họp trụ bị của COP, đặc biệt trong việc xây dựng quy tắc hoạt động cho Cơ quan Khoa học và Kỹ thuật (STB) và cơ chế tài chính, nhằm định hình lợi ích cho nước đang phát triển như chia sẻ lợi ích phi tiền tệ từ DSI.

Thứ ba, thúc đẩy hợp tác khu vực

Chính thức hóa và dẫn dắt việc thành lập nhóm làm việc ASEAN thường trực về BBNJ để phối hợp lập trường chung tại COP, đảm bảo nhu cầu của các nước đang phát triển ven biển được ưu tiên, như tiếp cận Quỹ Đặc biệt và công nghệ CBTMT; Chủ động hợp tác với các nước ASEAN để xây dựng lập trường chung và hài hòa hóa việc thực thi Hiệp định, từ đó tăng cường tiếng nói tập thể tại COP ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Berry DS (2021) *Unity or Fragmentation in the Deep Blue: Choices in Institutional Design for Marine Biological Diversity in Areas Beyond National Jurisdiction*. *Front. Mar. Sci.* 8:761552. <https://doi.org/10.3389/fmars.2021.761552>.
- Branco de Almeida, L. (2025). *The New Regulatory Framework under the BBNJ Agreement for Marine Genetic Resources and the Material Exception to Fishing and Fishing-Related Activities*. *Ocean Development & International Law*, 56(3), 319–339. <https://doi.org/10.1080/00908320.2025.2531163>.
- Branco de Almeida, L. (2025). *The New Regulatory Framework under the BBNJ Agreement for Marine Genetic Resources and the Material Exception to Fishing and Fishing-Related Activities*. *Ocean Development & International Law*, 56(3), 319–339. <https://doi.org/10.1080/00908320.2025.2531163>.
- Caldeira, Mariana & Teixeira, Heliana & Hilário, Ana. (2023). *Negotiations to implement area-based management tools beyond national jurisdiction: the scientific community's view*. *Frontiers in Marine Science*. 10. 10.3389/fmars.2023.1173682.
- Chen, Z., & Lyu, Q. (2025). *Cooperation on Capacity-Building and the Transfer of Marine Technology: An Interpretation of Article 41 under the BBNJ Agreement*. *International Journal of Social Sciences and Public Administration*, 6(3), 1-11. <https://doi.org/10.62051/ijsspa.v6n3.01>.



6. De Lucia V. *The integration of the ecosystem approach in the BBNJ agreement—An initial assessment of limits and opportunities*. *RECIEL*. 2024; 33(3): 554-564. <https://doi.org/10.1111/reel.12576>.
7. Gullett, W., & Craik, N. (2025). *Precautionary Environmental Impact Assessments under the BBNJ Agreement: More than a Minor or Transitory Effect on the Marine Environment?* *Ocean Development & International Law*, 1–29. <https://doi.org/10.1080/00908320.2025.2563269>.
8. Harden-Davies, H., Lopes, V.F., Coelho, L.F. et al. *First to finish, what comes next? Putting Capacity Building and the Transfer of Marine Technology under the BBNJ Agreement into practice*. *npj Ocean Sustain* 3, 3 (2024). <https://doi.org/10.1038/s44183-023-00039-1>.
9. Humphries, F. (2025). *Marine Genetic Resources Beyond National Jurisdiction: The Expansive Scope of the BBNJ Agreement*. In: Humphries, F. (eds) *Decoding Marine Genetic Resource Governance Under the BBNJ Agreement*. *Sustainable Development Goals Series*. Springer, Cham. https://doi.org/10.1007/978-3-031-72100-7_3.
10. IPBES (2019): *Global assessment report on biodiversity and ecosystem services of the Intergovernmental Science-Policy Platform on Biodiversity and Ecosystem Services*. E. S. Brondizio, J. Settele, S. Díaz, and H. T. Ngo (editors). IPBES secretariat, Bonn, Germany. 1148 pages. <https://doi.org/10.5281/zenodo.3831673>.
11. IUCN (2025) *Explanatory Guide to the BBNJ Agreement*. IUCN Environmental Policy and Law Paper, 2024-2025.
12. Kim, Rakhyun E.. (2024). *The Likely Impact of the BBNJ Agreement on the Architecture of Ocean Governance*. *Marine Policy*. 165. 106190. <https://doi.org/10.1016/j.marpol.2024.106190>.
13. Lothian, Sarah & Mubarak, Zaki & Amri, Ahmad & Espenilla, Jacqueline. (2025). *Capacity-building under the BBNJ Agreement: Benefits, Opportunities and Implementation Challenges for Southeast Asia*. 10.
14. Morgane Bouvet, Glen Wright, Daniel Kachelriess, Klaudija Cremers, Julien Rochette (2024) *Ensuring effective implementation of a high seas biodiversity treaty: Lessons learned and options for an implementation and compliance committee*. *IDDRI Study*, 2023-2024.
15. Lê Thị Xuân Phương, Trần Thị Kim Nguyên (2024) *Hiệp định thực thi Công ước Luật biển năm 1982 về lĩnh vực bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học biển ở vùng biển nằm ngoài quyền tài phán quốc gia – Một bước tiến mới của Luật biển quốc tế*. *Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam*, số 01 (173)/2024.
16. Ricard, Pascale. (2024). *The Advent of the 2023 “BBNJ” Agreement: A Preliminary Legal Analysis*. *Environmental Policy and Law*. 53. 1-11. 10.3233/EPL-239014.
17. Santos BS, Devereaux SG, Gjerde K, Chand K, Martinez J and Crowder LB (2022) *The diverse benefits of biodiversity conservation in global ocean areas beyond national jurisdiction*. *Front. Mar. Sci.* 9:1001240. doi: 10.3389/fmars.2022.1001240.
18. Song Y., Mao Z., Zhang Z. *Strategic environmental assessment in areas beyond national jurisdiction: existing regimes, challenges, and prospects // Frontiers in Marine Science*. 2024. Vol. 11.
19. Trần Thị Ngọc Sương (2024) *Thực thi Hiệp định bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học biển tại các vùng nằm ngoài quyền tài phán quốc gia: Những lợi ích và trở ngại*. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, vol 22, số p.h 5B, Tháng Năm 2024, tr 94-102, <https://jst-ud.vn/jst-ud/article/view/9087>.
20. Taghizadeh, Z. *Marine genetic resources as common heritage of mankind under the BBNJ Agreement; the international community toward a pragmatic benefit-sharing approach?*. *Biodivers Conserv* 34, 131–153 (2025). <https://doi.org/10.1007/s10531-024-02962-2>.
21. Nguyễn Hồng Thao (2021) *Các vấn đề pháp lý trong đàm phán BBNJ và sự tham gia của Việt Nam*. *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, Số 1/2021.
22. Nguyễn Hồng Thao, Nguyễn Xuân Thảo Nguyên, Vũ Tuấn Minh (2024) *Agreement on the conservation and sustainable use of biodiversity in waters beyond national jurisdiction (BBNJ) and opportunities for Vietnam*. *Tạp chí Môi trường, Chuyên đề III, Năm 2024 (Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường)*.
23. Vadrot, A. B. M., Langlet, A., & Tessnow-von Wysocki, I. (2021). *Who owns marine biodiversity? Contesting the world order through the ‘common heritage of humankind’ principle*. *Environmental Politics*, 31(2), 226–250. <https://doi.org/10.1080/09644016.2021.1911442>.
24. Wang Y and Pan X (2025) *Application of the environmental impact assessment provisions under the BBNJ Agreement in high seas marine protected area: challenges and suggestion*. *Front. Mar. Sci.* 12:1589936. doi: 10.3389/fmars.2025.1589936.
25. Xu Q and Jin Y (2025) *Benefit sharing of marine genetic resources and intellectual property protection under the BBNJ agreement*. *Front. Mar. Sci.* 12:1631043. doi: 10.3389/fmars.2025.1631043.
26. Yu Z, Zhou Y, Zhang Y and Wu Q (2025) *Operationalizing strategic environmental assessment under the BBNJ Agreement: legal frameworks, national practices, and implementation pathways*. *Front. Mar. Sci.* 12:1667924. doi: 10.3389/fmars.2025.1667924.